TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **138**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 25 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 16-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 121/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Nguyễn Công L**, sinh năm 1973; căn cước công dân số: 046073005179, cấp ngày 14/3/2023, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Số G Kiệt A đường H, phường T, thành phố Huế.

2. **Chị Trần Thị Lệ H**, sinh năm 1974; căn cước công dân số: 046174010701, cấp ngày 05/8/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Số G Kiệt A đường H, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công L và chị Trần Thị Lệ H đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/1993 tại nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 26 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống, suy nghĩ khác biệt nhau, thường xuyên gây gổ cải vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh L và chị H đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L và chị H không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Công L và chị Trần Thị Lệ H.

[2] Về con chung: Anh L và chị H xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Công S, sinh ngày 18/12/1993, Nguyễn Thị S1, sinh ngày 27/9/1995 và Nguyễn Thanh S2, sinh ngày 16/9/1997. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh L và chị H xác nhận không có.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh L và chị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000609 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh L và chị H đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công L và chị Trần Thị Lệ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị H có 03 con chung là Nguyễn Công S, sinh ngày 18/12/1993, Nguyễn Thị S1, sinh ngày 27/9/1995 và Nguyễn Thanh S2, sinh ngày 16/9/1997. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh L và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L và chị H xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh L và chị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000609 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh L và chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận An, thành phố Huế (ĐKKH số 19 ngày 24/3/1993 tại UBND thị trấn Thuận An cũ);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình